TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Điệu;
2. Ông Nguyễn Đức Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã A, huyện Gi, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/7/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh K tại thôn L, xã A; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nết nhau, anh K

chơi bời, không tập trung cho công việc, nhiều lần đi chơi qua đêm nên vợ chồng hay xảy ra va chạm, cãi nhau. Do mâu thuẫn, tháng 10 năm 2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã Đ, huyện K sống, hai người ly thân, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh K không có con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai, bị đơn - anh Nguyễn Đức K trình bày: Quá trình kết hôn, thời gian chung sống đúng như chị H trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định là do sau khi chị H ốm đi viện về thì đã thay đổi tâm tính, dễ hiểu lầm dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 10/2020 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh nhiều lần đến tìm nhưng chị H không chịu gặp. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn. Về con chung, tài sản chung hai người không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai, ông Nguyễn Văn V là bố đẻ của anh K trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung giữa chị H và anh K đúng như anh K trình bày; ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai, bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ của chị H trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung đúng như chị H trình bày. Bà đề nghị Tòa án giải quyết việc xin ly hôn của chị H theo nguyện vọng của chị.

Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương xã A cung cấp: Hôn nhân giữa chị H, anh K là hợp pháp. Tuy nhiên, do mâu thuẫn hiện hai người đã sống ly thân, địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nếu không được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa: Chị H, anh K vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn anh K vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho

chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Đức K; chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh K đến tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị H đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, cả chị H và anh K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã A, huyện Gi nơi sinh sống của anh K tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp.

[3] Tháng 7 năm 2020 chị H, anh K kết hôn về chung sống cùng nhau nhưng tháng 10 năm 2020 hai người đã mâu thuẫn, chị H về ở cùng bố mẹ đẻ, hai người sống ly thân, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ tháng 10 năm 2020 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H khởi kiện xin ly hôn, anh K không nhất trí ly hôn nhưng anh không đến tham gia phiên hòa giải, phiên tòa điều đó chứng tỏ anh không mong muốn quay lại đoàn tụ, cùng chị H xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc mà chỉ nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án mà thôi. Nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H ly hôn anh K.

[4] Về con chung: Anh chị không có; về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Đức K.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004454, ngày 06 tháng 4 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Đức K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã A, huyện Gi;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Quân